

Số: 05/2023/QĐST-DS

K, ngày 01 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án ngày 24 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Bà L T L, sinh năm 1968

Địa chỉ: số nhà 373, đường K, khu C, thị trấn K, huyện K, tỉnh T

- Bị đơn: Bà N T V K, sinh năm 1973

Địa chỉ: số nhà 214, đường P, khu C, thị trấn K, huyện K, tỉnh T

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông H Q V, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số nhà 373, đường K, khu C, thị trấn K, huyện K, tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông V là: Bà L T L, sinh năm 1968

Địa chỉ: số nhà 373, đường K, khu C, thị trấn K, huyện K, tỉnh T, thị trấn K, huyện K, tỉnh T (Vợ ông V).

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về trả nợ gốc, lãi:** Hai bên thoả thuận bà N T V K có nghĩa vụ trả nợ cho bà L T L, ông H Q V, tiền gốc, lãi tổng cộng là: 783.700.000đ (Bảy trăm tám mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

***Các lần trả nợ cụ thể như sau:***

- Lần 1: Ngày 30/9/2023: Bà N T V K có nghĩa vụ trả nợ cho bà L T L, ông H Q V, số tiền gốc, lãi là: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

- Lần 2: Ngày 29/10/2023: Bà N T V K có nghĩa vụ trả nợ cho bà L T L, ông H Q V, số tiền gốc, lãi là: 283.700.000đ (Hai trăm tám mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

*Sau mỗi lần bà N T V K không trả nợ cho bà L T L, ông H Q V như đã thỏa thuận thì bà K còn phải trả lãi cho bà L, ông V tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.*

**2.2. Về án phí:** Các đương sự tự nguyện thỏa thuận, bà N T V K xin chịu số tiền 8.837.000đ (Tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng); bà L T L, ông H Q V (do bà L đại diện theo uỷ quyền) xin chịu 8.837.000đ (Tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự bà L đã nộp là 17.660.000 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0007948 ngày 24/02/2023. Trả lại cho bà L T L số tiền 8.823.000đ (Tám triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng).

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Thảo**

